



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 02 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Kiểm nghiệm Chất lượng**

Laboratory: **Quality Testing Department**

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: **Trung tâm Nghiên cứu phát triển Khoa học và Công nghệ Tiên Nông**

Organization: **Center for Research Development Science and Technology Tien Nong**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1519**

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa**

Field: **Chemical**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Nguyễn Viết Giang**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Kể từ ngày /02/2026 đến ngày 07/12/2026**

Địa chỉ/ Address: **Khu B, Khu công nghiệp Bim Sơn, phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa**
Zone B, Bim Son Industrial Park, Bim Son ward, Thanh Hoa province

Địa điểm/ Location: **Khu B, Khu công nghiệp Bim Sơn, phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa**
Zone B, Bim Son Industrial Park, Bim Son ward, Thanh Hoa province

Điện thoại/ Tel: **0919382567**

E-mail: **lab.tiennong@gmail.com**

Website: **www.tiennong.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 1519

Lĩnh vực: **Hóa**

Field: **Chemical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/Phạm vi đo <i>Limit of quantitation if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Phân bón <i>Fertilizer</i>	Xác định hàm lượng Lưu huỳnh tổng số <i>Determination of total Sulfur content</i>	0,05 %	TCVN 9296:2012
2.		Xác định hàm lượng Silic hữu hiệu <i>Determination of available Silicon content</i>	0,01 %	TCVN 11407:2019
3.		Xác định pH <i>Determination of pH value</i>	2 ~ 12	TCVN 13263-9:2020
4.	Phân bón (Ngoại trừ phân lân nung chảy, hỗn hợp super phosphate) Fertilizer (Excluding Fused Phosphate Fertilizer and Superphosphate)	Xác định hàm lượng Photpho hữu hiệu <i>Determination of available Phosphorus content</i>	0,01 %	TCVN 8559:2010
5.	Phân bón rắn <i>Solid fertilizer</i>	Xác định hàm lượng độ ẩm <i>Determination of Moisture content</i>	0,1 %	TCVN 9297:2012
6.	Phân bón Silicat kiềm <i>Alkaline silicate fertilizer</i>	Xác định hàm lượng Silic hữu hiệu <i>Determination of available Silicon content</i>	0,1 %	TCCS 772:2020/ BVTV
7.	Phân bón có chứa chất hữu cơ <i>Fertilizers contain organic matter</i>	Xác định cacbon hữu cơ tổng số <i>Determination of total Organic Carbon</i>	0,3 %	TCVN 9294:2012
8.		Xác định Axit humic và Axit fulvic <i>Determination of Humic acid and Fluvic acid</i>	0,2 %	TCVN 8561:2010

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1519**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/Phạm vi đo <i>Limit of quantitation if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
9.	Phân bón có chứa kali <i>Fertilizers contain potassium</i>	Xác định hàm lượng Kali hữu hiệu <i>Determination of available Potassium content</i>	0,01 %	TCVN 8560:2018
10.	Phân bón có chứa hàm lượng Ca hoặc Mg $\geq 5\%$ <i>Fertilizers containing Ca or Mg content $\geq 5\%$</i>	Xác định hàm lượng Canxi và Magie tổng số <i>Determination of Total Calcium and Magnesium content</i>	1 %	TCVN 12598:2018
11.	Phân bón không chứa nitơ dạng nitrat <i>Fertilizers do not contain nitrogen in the form of nitrates</i>	Xác định hàm lượng Nitơ tổng số <i>Determination of total Nitrogen content</i>	0,01 %	TCVN 8557:2010
12.	Phân bón hỗn hợp NPK <i>NPK mixed fertilizer</i>	Xác định hàm lượng ẩm <i>Determination of moisture content</i>	0,1 %	TCVN 5815:2018
13.		Xác định hàm lượng Nitơ tổng số <i>Determination of total Nitrogen content</i>	0,01 %	TCVN 5815:2018
14.		Xác định hàm lượng Photpho hữu hiệu <i>Determination of available Phosphorus content</i>	0,01 %	TCVN 5815:2018

Ghi chú/ Notes:TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnamese National Standards*TCCS: Tiêu chuẩn cơ sở của Cục Bảo vệ Thực vật - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ *Base Standards of Plant Protection Department, Ministry of Agriculture and Rural Development*

Trường hợp Trung tâm Nghiên cứu phát triển Khoa học và Công nghệ Tiên Nông cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Nghiên cứu phát triển Khoa học và Công nghệ Tiên Nông phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Center for Research Development Science and Technology Tien Nong that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*